

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DSST

Ngày: 29-12-2022

“V/v Tranh chấp kiện đòi nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2022/TLST-DS ngày 28/10/2022 về việc “Tranh chấp kiện đòi nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th - sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn thị O - sinh năm 1970 (có mặt) và ông Trần Văn H - sinh năm 1969 (vắng mặt nhưng ủy quyền cho bà Nguyễn thị O theo văn bản ngày 28/11/2022).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày: Nguyên vào năm 2017 tôi có làm chủ hụi và bà O cũng làm chủ hụi nên giữa tôi với bà O có chơi hụi qua lại với nhau. Cụ thể là tôi làm chủ dây hụi 1.000.000 đồng, có 30 hụi viên, trong đó bà O chơi 3 chân và hụi 01 tháng xỏ 02 lần. Sau khi áp hụi xong thì bà O đã hốt hết 3 chân và bà O cũng có đóng hụi đầy đủ. Đối với dây do bà O làm chủ thì cùng năm 2017, bà O làm chủ dây 300.000 đồng thì tôi chơi 10 chân và hụi xỏ hàng ngày. Sau khi áp hụi xong thì tôi chưa hốt

chân nào, đến tháng 12/2017 âl bà O bẻ hụi nên giữa tôi và bà O chốt hụi với nhau thì bà O còn thiếu tôi là 66.000.000 đồng. Khi chốt hụi xong thì bà O có trả tôi được 19.000.000 đồng rồi bà O ngưng không trả nữa nên tôi có yêu cầu Công an huyện Gò Quao giải quyết thì bà O thừa nhận còn thiếu tôi là 47.000.000 đồng và bà O xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng tôi không đồng ý nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án tôi có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Gò Quao giải quyết buộc vợ chồng bà O và ông H phải trả cho tôi số tiền hụi còn thiếu tổng là 49.000.000 đồng và tính lãi suất 1%/tháng, từ tháng 01/2020 đến ngày làm đơn là 32 tháng với số tiền là 15.680.000 đồng.

Nay tôi xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Toà án nhân dân huyện Gò Quao giải quyết buộc vợ chồng bà O và ông H phải trả cho tôi số tiền hụi còn thiếu là 47.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2020 đến khi giải quyết xong vụ án. Ngoài ra tôi không yêu cầu thêm gì.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 27/11/2022 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn thị O trình bày: Tôi xác định theo lời trình bày của bà Th là tôi có làm chủ hụi và bà Th cũng có làm chủ hụi là đúng sự thật. Khi bà Th làm chủ hụi thì tôi đã hốt hết còn dây hụi do tôi làm chủ thì bà Th có hốt vài chân còn lại vài chân. Sau đó, tôi bẻ hụi nên tôi và bà Th có chốt hụi với nhau thì tôi còn thiếu bà Th số tiền là 66.000.000 đồng và tôi có trả cho bà Th được 19.000.000 đồng còn thiếu lại bà Th là 47.000.000 đồng.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả cho bà tổng số tiền là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) thì tôi thừa nhận còn thiếu bà Th số tiền 47.000.000 đồng này và xin dần trả cho bà Th mỗi tháng là 500.0000 đồng cho đến hết nợ. Về yêu cầu tính lãi suất của bà Th thì tôi xin bà Th không tính lãi nữa vì gốc không có khả năng sao có tiền trả lãi.

Tại bản tự khai ngày 27/11/2022 ông Trần Văn H trình bày: Tôi xác định việc vợ tôi là Nguyễn thị O có chơi hụi do bà Th làm chủ hụi và vợ tôi có làm chủ hụi thì tôi không biết và cũng không biết thiếu bao nhiêu tiền hụi của bà Th nhưng khi bà Th yêu cầu Công an huyện Gò Quao giải quyết và khởi kiện tại Tòa án thì Công an và Tòa án có thông báo cho tôi biết là vợ tôi có thiếu tiền hụi của bà Th là 47.000.000 đồng nên tôi mới biết là vợ tôi còn thiếu tiền hụi của bà Th là 47.000.000 đồng. Do đó, tôi thừa nhận hiện nay vợ chồng tôi còn thiếu bà Th tổng số tiền là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng) thì tôi đồng ý cùng vợ tôi trả nợ cho bà Th và xin dần trả cho bà Th mỗi tháng là 500.0000 đồng cho đến hết nợ. Về yêu cầu tính lãi suất của bà Th thì tôi không đồng ý vì khi chơi hụi với nhau thì đã có lãi rồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn thị O trả số tiền hui còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp kiện đòi nợ hui” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông H ủy quyền cho bà Nguyễn thị O theo văn bản đề ngày 28/11/2022 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là bà Nguyễn thị O có chơi hui và bà Th cũng làm chủ hui nên hai bên có chơi hui qua lại với nhau là đúng sự thật. Đồng thời, khi bà Nguyễn thị O tham gia chơi hui của bà Th thì bà đã hốt hết còn dây hui do bà O làm chủ thì bà Th chưa hốt nên đến tháng 12/2017 ăl bà O bẻ hui nên giữa bà Th và bà O chốt hui với nhau thì bà O còn thiếu bà Th số tiền là 66.000.000 đồng. Sau đó, bà O trả cho bà Th được số tiền là 19.000.000 đồng còn thiếu số tiền là 47.000.000 đồng. Xét về thỏa thuận chơi hui trên là một giao dịch về tài sản theo tập quán, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên phù hợp theo tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và được tự nguyện thi hành. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn thị O và ông Trần Văn H thừa nhận hiện nay còn thiếu tiền hui bà Trần Thị Th là 47.000.000 đồng. Do đó, bà Th khởi kiện yêu cầu ông H, bà O trả cho bà số tiền hui còn nợ là 47.000.000 đồng là có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Trong quá trình giải vụ án và tại phiên tòa bà Trần Thị Th yêu cầu tính lãi suất theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2020 đến ngày khi xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, 2 bên đương sự đều thừa nhận vào tháng 12/2017 ăl thì bà O bẻ hui nên bà Th và bà O đã chốt nợ với nhau là bà O còn nợ bà Th số tiền là 66.000.000 đồng. Sau khi chốt nợ thì bà O chỉ trả cho bà Th được 19.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa, chính vì lẽ đó mà bà O đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bà Th. Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Đối chiếu với quy định trên thì bà O, ông H phải chịu lãi suất chậm trả, việc bà Th yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2020 đối với số tiền chậm trả là có lợi cho bà O

và ông H. Đồng thời, bà Th và bà O, ông H không thống nhất với nhau về mức lãi suất nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 10%/năm: 12 tháng = 0,83%/tháng nên thời gian tính lãi suất như sau:

Đối với số tiền là 47.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày xét xử là ngày 29/12/2022 là 35 tháng 28 ngày: $(47.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}) \times 35 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 14.017.500 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn và lãi: $47.000.000\text{đ} + 14.017.500 \text{ đ} = 61.017.500 \text{ đồng}$ (sáu mươi một triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Về việc ông Trần Văn H và bà Nguyễn thị O xin trả dần số tiền trên mỗi tháng là 500.000 đồng cho bà Trần Thị Th cho đến khi hết nợ nhưng yêu cầu này của ông H và O không bà Th chấp nhận. Do đó, HĐXX không có căn cứ xem xét yêu cầu này của ông H và bà O.

Từ những phân tích đánh giá trên và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Th đối với bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn thị O. Do đó, buộc ông H và bà O phải trả cho bà Th số tiền là 61.017.500 đồng (sáu mươi một triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về án phí DSST có giá ngạch là: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $61.017.500\text{đ} \times 5\% = 3.050.875\text{đ}$ làm tròn là 3.051.000 (ba triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng).

Bà Trần Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.617.000đ (một triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001791 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 357, Điều 468, Điều 471 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th đối với ông Trần Văn H và bà Nguyễn thị O.

Buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn thị O phải trả cho bà Trần Thị Th số tiền là 61.017.500 đồng (sáu mươi một triệu không trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST có giá ngạch là: Là 3.051.000 (ba triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng) buộc Trần Văn H và bà Nguyễn thị O phải nộp.

Bà Trần Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.617.000đ (một triệu sáu trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001791 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 29/12/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh